TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2023, về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thu T, sinh năm 2001, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T sinh năm 2001, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1976, vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1979, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1975, vắng mặt.

- Bà Dương Thị L1, sinh năm 1979, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn X, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Chị T trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T2, huyện Thanh Hà,

tỉnh Hải Dương vào ngày 05/4/2022. Vợ chồng chung sống đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết. Từ tháng 7/2022 hai bên sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị T đề nghị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con là Phạm Hoàng G. B sinh ngày 13/9/2022, do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản, không có tài sản, công sức đóng góp vào khối tài sản của gia đình hai bên. Khi ly hôn, Chị T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh T không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị ông Hoàng Văn T1, bà Đỗ Thị L, ông Phạm Văn T2, bà Dương Thị L1 (là bố mẹ của đương sự), xác định: Khi anh T, Chị T phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành, đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Bà L, bà L1, ông Hoàng Văn T1 đề nghị giải quyết cho Chị T ly hôn anh T, giao cháu B cho Chị T nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn T2, bà Dương Thị L1 xác định đối với các văn bản tố tụng của Tòa án đã giao, thông báo cho anh T.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng (trừ anh T) đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, Chị T ly hôn anh T; giao con chung cho Chị T nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; Chị T đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T2,

huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/4/2022, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trước khi tiến tới hôn nhân Chị T và anh T còn đều chưa có sự chuẩn bị về tâm lý, kinh tế và những hiểu biết cần thiết cho cuộc sống gia đình khi về ở cùng nhau. Do vậy, khi về chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nhưng cả hai bên cũng không đủ bản lĩnh, kỹ năng giải quyết, vượt qua các mâu thuẫn vợ chồng. Xác minh tại UBND xã T2, người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, Chị T và gia đình của đương sự đã thông báo cho anh T biết, nhưng anh T từ chối khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh T không tha thiết, mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với Chị T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của Chị T, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử Chị T ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Xác định Chị T, anh T có một con chung là Phạm Hoàng G. B sinh ngày 13/9/2022, hiện tại Chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; còn anh T không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

Việc nuôi dưỡng con chung của đương sự, HĐXX thấy rằng: Cháu B hiện tại chưa đủ 12 tháng tuổi, trước đây cũng như hiện tại do Chị T nuôi dưỡng, quá trình nuôi dưỡng Chị T đều đảm bảo các điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; mặt khác về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án bố, mẹ của đương sự đều đề nghị giao cháu B cho Chị T nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu B cho Chị T nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được ngăn cản, như theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thu T ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao con Phạm Hoàng G. B sinh ngày 13/9/2022 cho chị Hoàng Thu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Hoàng Thu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003462 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T2, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA